

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 83/2025/DS-PT
Ngày: 12-5-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm
Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2025/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 13/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 141/2025/QĐ-PT ngày 11/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 102/2025/QĐ-PT ngày 29/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thanh T, sinh năm: 1974; cư trú tại số B, đường H, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1969; địa chỉ: số C, đường L, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1033, Quyền số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng nhận ngày 10/5/2024); có đơn xin vắng mặt.

Đồng bị đơn:

1. Vợ chồng ông Võ Văn N, sinh năm: 1966, bà Đinh Thị Thúy H1, sinh năm: 1980; cư trú tại số A, quốc lộ B, thôn B, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; ông N vắng mặt, bà H1 có mặt.

2/ Anh Võ Hoàng B, sinh năm: 2001; cư trú tại số A, quốc lộ B, thôn B, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có đơn xin vắng mặt.

- Người kháng cáo: Anh Võ Hoàng B – Đồng bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 06/5/2024 của bà Hồ Thanh T, lời trình bày trong các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của bà Nguyễn Thị Kim H, người đại diện theo ủy quyền của bà T, thì Uyên Huy:

Do có mối quan hệ quen biết nhau nên vào ngày 26/12/2023 bà Hồ Thanh T có cho vợ chồng ông N, bà H1 và anh Võ Hoàng B vay số tiền 7.800.000.000đ, trong đó chuyển khoản 16 lần với số tiền 7.149.999.989đ, còn lại đưa bằng tiền mặt; thời hạn vay là 04 ngày để đáo hạn Ngân hàng; thỏa thuận lãi suất 2.500đ/1.000.000đ/ngày. Cùng ngày vợ chồng ông N, bà H1 và anh B đã viết giấy nhận tiền và cam kết sau khi giải ngân tại Ngân hàng thì sẽ trả lại toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho bà T. Tuy nhiên, khi hết thời hạn vay; mặc dù bà T đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông N, bà H1 và anh B vẫn không trả khoản tiền vay gốc và tiền lãi cho bà T như đã thỏa thuận. Đến ngày 20/11/2024 vợ chồng ông N, bà H1 đã viết cam kết xác nhận còn nợ bà T số tiền vay gốc 7.800.000.000đ và tiền lãi 2,49%/tháng tính đến ngày 20/11/2024 là hơn 1.900.000.000đ nhưng hai bên thống nhất chỉ tính tiền lãi là 1.700.000.000đ. Vợ chồng ông N, bà H1 hứa sẽ làm thủ tục tách thửa đất và giao cho bà T phần nhà ở và phần đất đã tách thửa để trả nợ. Tuy nhiên từ đó cho đến nay các đồng bị đơn vẫn không trả nợ cho bà T. Do đó bà T có khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà H1 và anh B cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay gốc là 7.800.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 1.894.220.000đ, tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 9.694.220.000đ.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Võ Văn N, bà Đinh Thị Thúy H1 thì:

Vào ngày 26/12/2023 vợ chồng ông, bà có vay của bà T số tiền 7.800.000.000đ để đáo hạn Ngân hàng. Tuy nhiên trong quá trình làm hồ sơ vay thì bị trả lại với lý do thửa đất dùng làm tài sản để thế chấp vay vốn bị trùng số thửa nên Ngân hàng không duyệt cho vay lại, trong khi trước đó vợ chồng ông, bà vẫn dùng thửa đất này làm tài sản thế chấp vay tại Ngân hàng và vẫn giao dịch bình thường hơn 10 năm nay. Vợ chồng ông, bà cũng đã thương lượng với bà T bằng cách sẽ chuyển nhượng lại tài sản của vợ chồng ông, bà cho bà T để trừ nợ nhưng bà T không đồng ý. Hiện nay, vợ chồng ông, bà đang làm thủ tục điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng, khi vay được tiền thì sẽ trả cho bà T số tiền vay gốc là 7.800.000.000đ. Đối với tiền lãi thì không đồng ý trả cho nguyên đơn vì khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Anh Võ Hoàng B đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Toà án để giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Toà án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại Bản án số 07/2025/DS - ST ngày 13/02/2025; Toà án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thanh T về “Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản” với bị đơn vợ chồng ông Võ Văn N, bà Đinh Thị Thúy H1, anh Võ Hoàng B.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Võ Văn N, bà Đinh Thị Thúy H1, anh Võ Hoàng B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thanh T số tiền 9.118.382.000đ, trong đó có 7.800.000.000đ tiền vay gốc và 1.318.382.000đ tiền lãi.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 25/02/2025 anh Vũ Hoàng B1 có đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại giấy nợ, anh không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng vợ chồng ông Võ Văn N, bà Đinh Thị Thúy H1 trả nợ cho bà Hồ Thanh T.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm; tại giai đoạn thi hành án sẽ thương lượng với bị đơn về việc ai là người có trách nhiệm trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Hoàng B1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Toà án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của anh Võ Hoàng B; thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng: tại giấy mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 26/12/2023 do bà Hồ Thanh T cung cấp thể hiện vợ chồng ông Võ Văn N, bà Đinh Thị Thúy H1 và anh Võ Hoàng B có vay của bà Hồ Thanh T số tiền 7.800.000.000đ, thời hạn vay hai bên thoả thuận 04 ngày, không thể hiện lãi suất, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả nợ vào ngày 30/12/2023 cho đến nay vợ chồng ông N, bà H1, anh B chưa trả bất kỳ khoản

tiền gốc và lãi nào cho bà T. Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông N, bà H1 thừa nhận có vay của bà T số tiền gốc 7.800.000.000đ, tuy nhiên do hiện nay vợ chồng ông, bà đang làm thủ tục điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn Ngân hàng, khi vay được tiền thì vợ chồng ông, bà sẽ trả số tiền trên cho bà T. Anh B cho rằng anh không vay tiền của bà T nên không đồng ý cùng vợ chồng ông N, bà H1 trả nợ cho bà T. Như vậy, việc anh B cho rằng không vay tiền của bà T và không đồng ý cùng ông N, bà H1 cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà T là không phù hợp với thực tế.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông N, bà H1 và anh B cùng có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 7.800.000.000đ tiền nợ gốc và 1.318.382.000đ tiền lãi là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, anh B có đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được các chứng cứ nào mới so với các tài liệu, chứng cứ đã được cấp sơ thẩm thu thập để làm thay đổi bản chất vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh B; cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Võ Hoàng B phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Các đồng bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Hoàng B1, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 13/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thanh T về việc “Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản” đối với vợ chồng ông Võ Văn N, bà Đinh Thị Thúy H1, anh Võ Hoàng B.

Buộc vợ chồng ông Võ Văn N, bà Đinh Thị Thúy H1, anh Võ Hoàng B phải có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thanh T số tiền 9.118.382.000đ (chín tỷ một trăm mười tám triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng), {trong đó tiền gốc là

7.800.000.000đ (bảy tỷ tám trăm triệu đồng), tiền lãi là 1.318.382.000đ (một tỷ ba trăm mười tám triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng)}.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Võ Văn N, bà Đinh Thị Thúy H1, anh Võ Hoàng B phải chịu 117.118.400đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Hồ Thanh T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, bà T được nhận lại số tiền 58.773.990đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006617 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm: Anh Võ Hoàng B phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009387 ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; anh B đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng Tr, Ktr & THA (01);
- TAND tp. Bảo Lộc (01);
- Chi cục THADS tp. Bảo Lộc (01);
- Dương sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch